

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
THÀNH PHỐ LONG XUYÊN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
TỈNH AN GIANG

Bản án số: 146/2024/HNGĐ-ST

Ngày 22 tháng 8 năm 2024

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hoa

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Huỳnh Văn Nam - Bà Huỳnh Thị Thúy Hoa

*Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Tấn Kiệt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:* Bà Trần Yến Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 334/2024/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 5 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 431/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 6 năm 2024; quyết định hoãn phiên tòa số: 463/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 26 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Duyên A, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Ấp M, xã M, Tp., tỉnh An Giang. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Bùi Văn N, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Ấp M, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn cùng các lời khai trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Lê Thị Duyên A trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Bùi Văn N tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, thành phố L vào ngày 11/7/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do ông N không chí thú làm ăn để phụ lo kinh tế gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm sống.

Cả hai không có thiện chí hàn gắn tình cảm gia đình. Do mâu thuẫn trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn ông N.

Về con chung: Bà và ông N có 02 (hai) con chung tên Bùi Thị Cẩm Y, sinh năm 2002 đã trưởng thành và có khả năng lao động; Bùi Thị Cát T, sinh ngày 17/12/2009 hiện do bà Duyên A chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà Duyên A yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau ly hôn, bà có công việc và thu nhập đủ khả năng nuôi con, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

*Quá trình giải quyết ông Bùi Văn N được niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Duyên A. Phiên tòa được mở lần thứ hai, ông N tiếp tục vắng mặt không có lý do.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của đương sự và đề xuất việc giải quyết vụ án như sau:*

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý giải quyết đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Các văn bản tố tụng được tổng đạt, niêm yết đúng quy định tại các Điều 171, 173, 175, 177 và 179 BLTTDS 2015. Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của BLTTDS về xét xử vụ án. Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:*

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Duyên A được ly hôn ông Bùi Văn N.

- Về con chung: Giao con chung Bùi Thị Cát T, sinh ngày 17/12/2009 cho bà Duyên A chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà Duyên A không yêu cầu ông N cấp dưỡng, nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà Duyên A yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông N. Ông N cư ngụ tại xã M, thành phố L nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải

quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Phiên tòa hôm nay mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng ông N vắng mặt không có lý do. Bà Duyên A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà Lê Thị Duyên A và ông Bùi Văn N.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hôn nhân: Bà Duyên A và ông N tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, thành phố L nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Nguyên nhân yêu cầu ly hôn theo bà Duyên A trình bày vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do ông N không chí thú làm ăn để phụ lo kinh tế gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Do mâu thuẫn trong hôn nhân đã trầm trọng, nên bà Duyên A yêu cầu ly hôn ông N.

Quá trình giải quyết vụ án ông N vắng mặt. Theo Phiếu yêu cầu xác minh của Tòa án tại Công an xã M, thành phố L ngày 28/5/2024 thể hiện: Đương sự Bùi Văn N, sinh năm 1980 không có đăng ký thường trú ấp M, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang. Nhưng có đăng ký thường trú tại ấp M, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang. Do ông N vắng mặt, Tòa án thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông N biết nhưng ông N vẫn không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện và tài liệu, chứng cứ do bà Duyên A cung cấp đồng thời cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ hoặc yêu cầu phản đối yêu cầu khởi kiện của bà Duyên A là ông N đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ của đương sự quy định tại khoản 5 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy, trong gia đình vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, tôn trọng và cùng nhau chia sẻ vui buồn trong cuộc sống, đây là cơ sở vững chắc để bồi đắp, duy trì tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên cả ông N và bà Duyên A đều không quan tâm, không có biện pháp để hòa giải níu kéo, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Phiên tòa được mở lần thứ hai ông N tiếp tục vắng mặt là không có nguyện vọng đoàn tụ. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc thật sự cho cả hai. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Duyên A.

[2.2]. Về con chung: Ông N và bà Duyên A có 02 (hai) con chung tên Bùi Thị Cẩm Y, sinh năm 2002 đã trưởng thành và có khả năng lao động; Bùi Thị Cát T, sinh ngày 17/12/2009 hiện do bà Duyên A chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà Duyên A yêu cầu

được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau ly hôn, bà có công việc và thu nhập đủ khả năng nuôi con, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Cháu Cát T có nguyện vọng sống cùng bà Duyên A. Ông N không tranh chấp quyền nuôi con. Xét điều kiện của bà Duyên A trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Duyên A được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con, cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, đây là quyền lợi của con chưa thành niên. Tuy nhiên bà Duyên A có công việc, thu nhập ổn định đủ khả năng lo cho con chung, không yêu cầu ông N cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà Duyên A phải tạo điều kiện cho ông N được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Bà Duyên Anh cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung vì lợi ích của con, ông N và bà Duyên A được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Duyên A không yêu cầu giải quyết. Ông N không có ý kiến về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử chưa giải quyết.

[3]. Về án phí: Bà Duyên A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Duyên A được ly hôn ông Bùi Văn N.

2. Về con chung: Ông N và bà Duyên A có 02 (hai) con chung tên Bùi Thị Cẩm Y, sinh năm 2002 đã trưởng thành và có khả năng lao động; Bùi Thị Cát T, sinh ngày 17/12/2009.

Bà Duyên A được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Bùi Thị Cát T, sau khi ly hôn.

Ông N không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Duyên A không yêu cầu.

Bà Duyên A phải tạo điều kiện cho ông N được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Bà Duyên A trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, vì lợi ích của con ông N, bà Duyên A được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con.

**3. Về tài sản chung và nợ chung:** Chưa xem xét giải quyết.

**4. Về án phí:** Bà Lê Thị Duyên A phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002126, ngày 24/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên. Bà Duyên A đã nộp đủ tiền án phí.

**5. Quyền kháng cáo:**

Bà Duyên A và ông N không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi gửi:**

- Tòa án ND tỉnh An Giang;
- VKS ND TPLX;
- Thi hành án DS TPLX;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

(đã ký)

**Nguyễn Thị Hoa**